TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2026/KDTM-ST
Ngày 15/7/2026
V/v: Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bàng**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tý

Ông Trần Minh T

- ***Thư ký phiên toà:*** ông Phạm Nguyên Khang - Thư ký, Toà án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 07/2026/TLST-KDTM ngày 10 tháng 3 năm 2026 về việc: "Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1005/2026/QĐST-KDTM ngày 09/6/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 1013/QĐHPT-KDTM ngày 25/6/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đà Nẵng giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công Ty TNHH MTV CLT. Trụ sở: đường T, phường HK, TP Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Th. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Quang C. Địa chỉ: đường L, phường TK, TP Đà Nẵng. Có mặt.

- Bị đơn: Công Ty TNHH MTV HKT. Địa chỉ: đường C, phường CL, Tp Đà Nẵng. Trụ sở: đường K, phường CL, TP Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Tấn H, chức vụ : Chủ tịch Công ty. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Võ Thành T, sinh năm 1992. địa chỉ: Tổ 8, thôn P, Xã A Tp Đà Nẵng. Hiện đang bị tạm giam tại Trại giam số 01 – Công an Tp Đà Nẵng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Huỳnh Văn D, sinh năm 1980. Địa chỉ: đường Ch, phường AH, TP Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Trong đơn khởi kiện đề ngày 03/02/2026 của nguyên đơn là Công ty* TNHH MTV CLT *và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Lê Quang C trình bày:*

Công ty CLT và Công ty HKT có làm ăn mua bán sắt thép với nhau, Công ty CLT đã có 02 lần mua sắt của Công ty HKT vào ngày 04/5/2022 (Lần 1, giá trị lô hàng là 118.957.700 đồng) và ngày 10/5/2022 (lần 2, giá trị lô hàng là 397.422.000 đồng) thì Công ty HKT đều chuyển hàng giao đầy đủ. Vì thế đến lần thứ 3 vào ngày 24/5/2022 Công ty CLT tiếp tục mua sắt thép của Công ty HKT với giá trị lô hàng là 1.974.844.000 đồng. Tuy nhiên, lần này Công ty HKT không giao hàng như đã cam kết và trốn tránh trách nhiệm nhằm chiếm đoạt số tiền 1.974.844.000 đồng.

Sau nhiều lần yêu cầu Công ty HKT không trả tiền, nay Công ty CLT khởi kiện yêu cầu Công Ty MTV HKT pH thanh toán cho Công Ty TNHH MTV CLT toàn bộ số tiền đặt cọc để mua thép lần 3 mà Công ty CLT không giao hàng là 1.674.844.000 đồng, tiền lãi chậm thanh toán là 10% là 605.697.004 đồng (tính từ ngày 01/6/2022 đến ngày 01/02/2026 là 44 tháng). Tổng cộng yêu cầu thanh toán là **2.280.541.004 đồng.**

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của Công ty CLT thống nhất số tiền Công ty HKT đã trả là 330.115.500 đồng; và yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty HKT thực hiện nghĩa vụ trả tiền số tiền gốc còn nợ là 1.644.728.500 đồng và tiền lãi chậm trả tính theo quy định của pháp luật, tính theo mức lãi suất quá hạn trung bình của 3 Ngân hàng trên thị trường, tương đương số tiền lãi tính đến ngày xét xử, ngày 15/7/2026 là 4 năm 01 tháng 15 ngày; tổng số tiền yêu cầu Công ty HKT pH trả gồm nợ 2.712.844.477 đồng (trong đó bao gồm nợ gốc là 1.644.728.500 đồng và nợ lãi 1.068.115.944 đồng)

**** Trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên hòa giải n*ười đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông Phạm Tấn H trình bày**: Công ty HKT chỉ là đơn vị trung gian ở giữa, khi Công ty CLT mua thép của ông Võ Thành T thông qua ông Huỳnh Văn D thì có yêu cầu Công ty HKT xuất hóa đơn và nhận tiền vào tài khoản của Công ty HKT. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền thì ông H đã trực tiếp đưa hết cho ông T và ông T có viết giấy nhận đủ tiền của CLT. Nay ông H yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật buộc ông Võ Thành T phải là người trả tiền cho Công ty CLT, số tiền gốc là 1.974.844.000 đồng. (số tiền 330.000.000 đồng mà ông H đã chuyển trả Công ty CLT thì ông H sẽ tự giải quyết với Công ty CLT).

Tuy nhiên, sau phiên hòa giải thì Tòa án có yêu cầu ông H giải trình đối với yêu cầu của mình thì ông H không hợp tác, không phối hợp giải quyết, không đến Tòa án để làm việc đối với yêu cầu của ông H cũng như không có yêu cầu phản tố nào trong việc giải quyết số tiền nợ mua bán thép với Công ty CLT.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Thành T:** Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của ông Võ Thành T và tại bản tự khai do ông T trình bày có nội dung: Ông Võ Thành T có làm ăn mua bán sắt thép với Công ty HKT, nhưng không có quan hệ giao dịch với Công ty CLT. Việc Công ty HKT nhận tiền mua bán sắt thép với Công ty CLT thì ông T không có liên quan. Ông T không nhận khoản tiền nào từ Công ty HKT để mua sắt cho Công ty CLT. Vì Công ty HKT không chuyển tiền cho ông T nên ông T không thể giao hàng theo đơn của Công ty HKT mua sắt để bán cho Công ty CLT. Đối với các khoản nợ mua bán làm ăn khác giữa ông T với Công ty HKT và ông Phạm Tấn H đã

được Cơ quan Điều tra kết luận và ông T đã phải chịu trách nhiệm trong vụ án do Tòa án nhân dân TP Đà Nẵng và Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xét xử ông T 20 năm tù, trong đó không liên quan gì đến khoản tiền 1.974.844.000 đồng mà Công ty HKT nhận của Công ty CLT, vì ông T không nhận tiền của Công ty CLT. Ông T đang bị tạm giam và chấp hành án phạt tù nên có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn D đã mặc dù đã được Tòa án triệu tập và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo đưa người vào tham gia tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng ông D vẫn vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập, xác minh tài liệu chứng cứ về mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của 03 ngân hàng thương mại tại địa phương tại thời điểm xét xử sơ thẩm, bao gồm của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

Theo thông tin đăng ký doanh nghiệp do Phòng kinh doanh Sở tài chính TP Đà Nẵng trả lời xác minh thể hiện Công ty TNHH MTV HKT có địa chỉ đăng ký tại 175 Lê Kim Lăng, phường Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng, từ khi đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 28/5/2026 đến nay thì Công ty chưa thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính, thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp khác và chưa đăng ký giải thể, phá sản.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đà Nẵng phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng trình tự quy định của pháp luật. Đối với các đương sự: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72, Điều 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Với chứng cứ do nguyên đơn xuất trình bao gồm các giấy ủy nhiệm chi, sao kê tài khoản, cũng như bản tự khai, trình bày của nguyên đơn; các hóa đơn GTGT mua bán hàng hóa, xác nhận số tiền đã nhận của người đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông Phạm Tấn H: thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV CLT và buộc bị đơn là Công ty TMHH MTV HKT pH có trách nhiệm trả nợ cho Công ty CLT số tiền đã nhận để bán thép nhưng không giao hàng của Công ty CLT, số tiền gốc còn nợ là 1.644.728.500 đồng. Đối với yêu cầu về tiền lãi chậm thanh toán theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của 3 Ngân hàng tại địa phương tại thời điểm xét xử sơ thẩm 15,75% là yêu cầu nguyên đơn đưa ra sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu của Công ty yêu cầu lãi chậm thanh toán 10%/năm nên không chấp nhận. Vì vậy đề nghị HĐXX chấp nhận yêu

cầu khởi kiện về việc "*Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền"* của nguyên đơn Công ty TNHH MTV CLT đối với bị đơn Công ty TNHH MTV HKT. Buộc Công ty TMHH MTV HKT phải trả cho Công ty TMHH MTV CLT một lần số tiền còn nợ gốc là : 1.644.828.500 đồng và tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất 10%/năm. Đương sự pH chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định:

[1.] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Công ty TNHH MTV CLT khởi kiện Công ty TNHH MTV HKT yêu cầu Tòa án buộc Công ty HKT pH thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền đặt cọc mua bán thép mà không giao hàng còn nợ Công ty CLT và tiền lãi chậm trả theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn và bị đơn đều có đăng ký kinh doanh, mục đích mua bán hàng hóa đều nhằm thực hiện hoạt động kinh doanh thương mại vì mục đích lợi nhuận của các bên trong quan hệ. Hai bên nguyên đơn và bị đơn đã xác nhận số tiền hàng, ủy nhiệm chi thể hiện rõ số tiền đã chuyển, không có tranh chấp về nội dung hàng hóa và thỏa thuận mua bán giữa các bên mà nguyên đơn chỉ tranh chấp về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền hoàn lại do không giao hàng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) và khoản 8 Điều 3 Luật thương mại 2005, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên được xác định là tranh chấp thương mại về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

[1.2] Thẩm quyền giải quyết: Công ty Công ty TNHH MTV CLT khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền đối với bị đơn là Công ty TNHH MTV HKT; Các bên không có thỏa thuận bằng hợp đồng về việc nơi giải quyết tranh chấp; Do đó, thẩm quyền giải quyết tranh chấp trong vụ án này được xác định theo quy định của pháp luật: bị đơn có địa chỉ trụ sở chính tại 175 Lê Kim Lăng, phường Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, địa chỉ hoạt động tại 16 Trần Phước Thành, phường Cẩm Lệ nên căn cứ vào Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, tranh chấp phát sinh giữa Công ty TNHH MTV CLT và Công ty TNHH MTV HKT là tranh chấp thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng.

[1.3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn Công ty TNHH MTV HKT và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Huỳnh Văn Dũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai và vắng mặt không có lý do, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Thành T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với khoản nợ là tiền đặt cọc mua thép nhưng bị đơn không giao hàng nên còn pH trả hoàn lại số tiền mua bán hàng hóa là 1.644.728.500 đồng

Nguyên đơn đã cung cấp tài liệu chứng cứ gồm: Đơn báo giá và đặt hàng tháng 5/2022 (BL66); hóa đơn GTGT ngày 09/5/2022, ngày 11/5/2022; Các ủy nhiệm chi chuyển tiền cho Công ty HKT gồm:

+ Ủy nhiệm chi ngày 04/5/2022 từ số tài khoản 0901005268066 tại Ngân hàng TMCP An Bình – Chi Nhánh Đà Nẵng đến tài khoản thụ hưởng số 116000187766 của Công ty TNHH MTV HKT mở tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng, số tiền là 118.957.700 đồng

+ Ủy nhiệm chi ngày 10/5/2022 từ số tài khoản 0901005268066 tại Ngân hàng TMCP An Bình – Chi Nhánh Đà Nẵng đến tài khoản thụ hưởng số 116000187766 của Công ty TNHH MTV HKT mở tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng, số tiền là 397.422.000 đồng

+ Ủy nhiệm chi ngày 24/5/2022 từ số tài khoản 0901005268066 tại Ngân hàng TMCP An Bình – Chi Nhánh Đà Nẵng đến tài khoản thụ hưởng số 116000187766 của Công ty TNHH MTV HKT mở tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng, số tiền là 1.974.844.000 đồng

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng: Công ty TNHH MTV HKT do ông Phạm Tấn H làm giám đốc là người đại diện theo pháp luật đã xác nhận đúng số tiền Công ty CLT đã chuyển khoản vào tài khoản của Công ty HKT. Công ty HKT đã xuất hóa đơn GTGT cho Công ty CLT đối với 2 lần mua bán hàng hóa. Đối với lần mua bán hàng hóa thứ 3, số tiền hàng là 1.974.844.000 đồng thì Công ty HKT chưa giao hàng nên chưa xuất hóa đơn. Đến ngày 24/6/2022 Công ty HKT đã chuyển trả số tiền 300.000.000 đồng cho Công ty CLT và và còn nợ nguyên đơn số tiền gốc là 1.674.844.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án đại diện Công ty HKT đã tham gia phiên hòa giải và thống nhất số tiền Công ty CLT đã chuyển vào tài khoản Công ty HKT là 1.974.844.000 đồng, tuy nhiên ông H ghi bản tự khai số tiền đã trả là 330.000.000 đồng. Căn cứ sao kê tài khoản của Công ty HKT thể hiện có 2 giao dịch Lúc 3:14 PM ngày 16/6/2022 Công ty HKT chuyển lại cho Công ty CLT số tiền 300.000.000 đồng và 115.500 đồng. Tại phiên tòa, nguyên đơn xác nhận vào ngày 01/6/2024 ông Phạm Tấn H có trả thêm được 30.000.000 đồng và thống nhất tổng số tiền HKT đã trả là 330.115.500 đồng. Đây là sự việc có thật không cần chứng minh theo điểm a khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn pH trả số tiền nợ gốc còn lại là **1.644.728.500 đồng** là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tính lãi chậm thanh toán từ ngày 01/6/2022 đến ngày xét xử với mức lãi suất theo quy định của pháp luật.

Căn cứ quy định tại Điều 306 Luật Thương mại 2005**,** nếu bên mua chậm

thanh toán, bên bán có quyền đòi lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán. Mặc dù, quan hệ mua bán hàng hóa giữa 2 Công ty không được lập hợp đồng bằng văn bản, tuy nhiên, từ các chứng từ giao dịch gồm hóa đơn GTGT, việc giao nhận hàng, xuất hàng và việc xác nhận giữa 2 bên thể hiện hai bên Công ty có quan hệ mua bán hàng hóa là sắt thép xây dựng, quan hệ kinh doanh thương mại giữa các bên với nhau nên có cơ sở để áp dụng quy định về mức lãi suất chậm trả theo quy định của Luật thương mại. "Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng ….thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có qui định khác". Như vậy nguyên đơn có quyền yêu cầu bị đơn trả tiền lãi trên số tiền vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Về thời điểm tính lãi chậm thanh toán: Xét thấy: Công ty CLT chuyển tiền cho bên bán vào ngày 24/5/2022 để yêu cầu giao hàng vào ngày 25/5/2022. Tuy nhiên, bên bán là Công ty HKT không giao hàng đúng thỏa thuận giữa các bên, vi phạm nghĩa vụ giao hàng cho bên mua. Cuối tháng 5/2022, bên mua là Công ty CLT đã tố cáo đến Cơ quan Công an và bên bán vẫn không giao được hàng cho bên mua, bên mua yêu cầu hoàn lại tiền đã nhận mà bên bán không hoàn lại tiền đặt hàng đã nhận, vi phạm nghĩa vụ giao hàng và thanh toán hoàn tiền. Nghĩa vụ của bên bán về việc pH thanh toán hoàn tiền cho bên mua đã phát sinh. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn là bên bán phải trả tiền lãi chậm trả bắt đầu từ ngày 01/6/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là 15/7/2026 (tương ứng là 4 năm 1 tháng 15 ngày = 1.505 ngày) là có cơ sở nên HĐXX chấp nhận.

Về mức lãi suất áp dụng: Xét khi ký kết hợp đồng các bên không thỏa thuận về lãi suất chậm trả. Căn cứ Điều 306 Luật thương mại, lãi suất chậm thanh toán được tính theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả. Như đã phân tích tại mục trên, do xác định thời gian trả lãi là 4 năm 01 tháng 15 ngày nên được áp dụng mức lãi suất kinh doanh dài hạn để tính mức lãi suất chậm thanh toán, lãi suất được xác định theo mức lãi suất trung bình nợ quá hạn của ba ngân hàng thương mại có trụ sở tại nơi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết tại thời điểm xét xử sơ thẩm.

Cụ thể : - Theo văn bản số 1050/CV-ĐAN-KT ngày 09/7/2026 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh Đà Nẵng thì mức lãi suất trung dài hạn đối với loại cho vay khác là 10,5%/năm;

- Theo Văn bản số 830/CNĐC-TCTH ngày 14/7/2026 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh Đà Nẵng thì lãi suất trong hạn của loại cho vay trung và dài hạn của khánh hàng bình thường là 12,5%;

- Theo Văn bản số 479/NHNo-Tk ngày 14/7/2026 và Thông báo của Ngân hàng Agribank thì mức lãi suất trong hạn với loại hình cho vay phụ vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường là 8,5%.

Do đó mức lãi suất quá hạn trung bình của 03 ngân hàng là : (10,5% + 12,5% + 8,5%)/ 3 x 150% = 15,75%. Do đó yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn pH thanh toán số tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất 15,75 %/năm từ thời điểm ngày 01/6/2022 đến ngày 15/7/2026 là phù hợp với quy định tại Điều 306 Luật Thương mại và phù hợp với qui định tại Điều 11 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao nên có cơ sở để hội đồng xét xử chấp nhận.

Về số tiền gốc làm cơ sở tính lãi chậm trả, mặc dù đến 16/6/2022 (theo sao kê) Công ty HKT mới trả số tiền 300.115.500 đồng, đến 01/06/2024 mới trả thêm 30.000.000 đồng, tuy nhiên đại diện nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi chậm trả đối với tổng số tiền gốc còn lại 1.644.728.500 đồng từ ngày 01/6/2022 mà không yêu cầu tính lãi chậm trả đối với khoản tiền gốc 1.974.844.000 đồng từ 01/6/2022 đến 16/6/2022. Việc nguyên đơn tính lãi chậm trả đối với số tiền gốc còn lại từ ngày 01/6/2022 là tự nguyện và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Cụ thể số tiền lãi sẽ được tính trên số tiền nợ gốc là 1.644.728.500 đồng và tính từ thời điểm ngày 01/6/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 15/7/2026 (tổng cộng 1.505 ngày) với mức lãi suất là 15,75%/năm (1.644.728.500 đồng x 15,75%/365 x 1.505 ngày = 1.068.115.977 đồng). Do đó số tiền lãi do chậm thanh toán nguyên đơn yêu cầu được HĐXX chấp nhận là 1.068.115.977 đồng.

Từ các nhận định trên, buộc bị đơn là Công ty TNHH MTV HKT pH có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH MTV CLT số tiền còn nợ chưa thanh toán, bao gồm: tiền gốc 1.644.728.500 đồng, tiền lãi chậm thanh toán là 1.068.115.977 đồng, tổng cộng là 2.712.844.477 đồng.

[3] Đối với ý kiến của ông Phạm Tấn H là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV HKT cho rằng Công ty HKT chỉ là đơn vị trung gian ở giữa, khi Công ty CLT mua thép của ông Võ Thành T thông qua ông Huỳnh Văn D nên có nhờ Công ty HKT xuất hóa đơn và nhận tiền vào tài khoản của Công ty HKT. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền thì ông H đã trực tiếp đưa hết cho ông T và ông T có viết giấy nhận đủ tiền của Công ty CLT. Tuy nhiên, sau phiên hòa giải thì Tòa án có yêu cầu ông H giải trình đối với yêu cầu của mình, chứng minh việc Công ty HKT đã đưa số tiền đã nhận của Công ty CLT cho ông Võ Thành T nhưng ông H không hợp tác, không phối hợp giải quyết, không đến Tòa án để làm việc đối với ý kiến trình bày của ông H cũng như không có yêu cầu phản tố nào trong việc giải quyết số tiền nợ mua bán thép với Công ty CLT.

Mặt khác, theo lời khai của ông Võ Thành T thể hiện ông T không có quan hệ làm ăn với CLT và không nhận số tiền nào từ ông H và Công ty HKT. Việc ông T làm ăn và có lừa dối Công ty HKT và ông Phạm Tấn H đã được Cơ quan điều tra xử lý trong vụ án Hình sự. Đối với vấn đề chuyển nhận tiền giữa Công ty HKT và CLT thì ông T không liên quan, do ông T không nhận được tiền của Công ty HKT chuyển để mua thép cho CÔng ty CLT nên ông không thể giao hàng cho CLT và quan hệ giữa HKT với CLT ông không liên quan. Qua xem xét các bản khai, trình bày của ông Phạm Tấn H thể hiện ông H khai chiều ngày 24/5/2022 ông

H đã rút tiền chuyển tiền cho ông T qua tài khoản cá nhân của ông T 500.000.000 đồng và từ ngày 25/5/2022 đến 27/5/2022 ông H tiếp tục chuyển cho ông T số tiền còn lại là 1.474.844.000 đồng (BL 85), tuy nhiên đối chứng với sao kê tài khoản của Công ty HKT thì không có giao dịch nào được chuyển cho ông T với các khoản tiền như ông H trình bày.

Ngoài ra, trong quan hệ giữa ông H và ông T nếu có việc chuyển tiền qua lại trong quan hệ làm ăn cũng như quá trình ông Võ Thành T bị điều tra, xét xử về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" thì ông H đã khai các số tiền bị ông T lừa đảo. Còn quan hệ kinh doanh thương mại giữa Công ty HKT và CLT được thực hiện bằng giao dịch chuyển tiền từ Công ty CLT vào tài khoản Công ty HKT để mua thép, Công ty HKT là đơn vị xuất hóa đơn bán hàng và nhận tiền nên Công ty HKT pH chịu trách nhiệm đối với các giao dịch, hợp đồng này. Cơ quan điều tra đã có văn bản trả lời không khởi tố vụ án hình sự đối với vụ án này, các bên giải quyết trong giao dịch dân sự thương mại. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả tiền là đúng với quan hệ và giao dịch giữa hai bên đương sự.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Công ty TNHH MTV HKT pH chịu án phí dân sự sơ thẩm là :

72.000.000 đồng + 2% x (2.712.844.477 đồng – 2.000.000.000) = 86.256.889 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Hoàn trả cho Công ty TNHH MTV CLT số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 30; 35; 39; 147; 184; 227; 228; 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các điều 280, 357, 401, 429, 434, 436 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 34, 35, 37, 50, 54, 55, 306 của Luật thương mại;

Căn cứ điều 11 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV CLT về việc "*Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền*" đối với Công ty TNHH MTV HKT.

2. Buộc Công ty TNHH MTV HKT phải thanh toán cho Công ty TNHH MTV CLT số tiền còn nợ chưa trả, tiền gốc là 1.644.728.500 đồng, tiền lãi chậm thanh toán là 1.068.115.977 đồng, tổng cộng là 2.712.844.477 đồng.

Kể từ ngày Công ty TNHH MTV CLT có đơn yêu cầu thi hành án nếu Công ty TNHH MTV HKT không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì Công ty TNHH MTV

HKT hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pH thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

4. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH MTV HKT phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 86.256.889 đồng (*T mươi sáu triệu, hai trăm năm mươi sáu nghìn, T trăm T mươi chín đồng).*

Hoàn trả cho Công ty TNHH MTV CLT số tiền tạm ứng án phí 38.805.410 đồng (ba mươi T triệu, T trăm lẻ năm nghìn, bốn trăm mười đồng) theo biên lai thu số 0002121 ngày 10/3/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

5. Quyền kháng cáo: nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 15/7/2026

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 36 và 72 của Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 3 – Đà Nẵng
- THADS TP Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bàng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bàng